TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 440/2025/HS-PT
Ngày: 27/10/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Nam Thành;

Bà Trần Thị Quỳnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Xuân Tùng - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 319/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo Lê Viết S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 518/2025/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Lê Viết S, sinh năm 1962; giới tính: Nam; nơi ĐKTT và nơi ở: Số nhà D ngõ B đường T, phường T, TP . *(Trước đây là: Số nhà D, ngõ B, đường T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội)*; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Viết B (đã chết) và bà Dương Thị B1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T1 và có 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2000, bị Công an quận T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc; bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo:***

- Do gia đình bị cáo mời: Luật sư Lê Quang V - Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/3/1988, ông Trần Văn C (sinh năm 1964; trú tại số nhà H, phố L, phường C, quận B, thành phố Hồ Chí Minh) mua mảnh đất có diện tích hơn 3.000m² của bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1935; trú tại Ấp B, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi mua bán xong, bà L đã cho ông C thêm một phần đất sát với diện tích đất bà L đã bán. Đến ngày 18/6/1988, ông C mua thêm mảnh đất có diện tích khoảng 9000m² của ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1923; trú tại Ấp B, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh), mảnh đất này ở cạnh mảnh đất đã mua của bà L. Tổng diện tích thửa đất do ông C đã mua của bà L và ông T2 khoảng 14.530m² và chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước năm 1996, mảnh đất này thuộc địa phận xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, sau đó đổi thành HT16, đường D, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh, có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý và giao cho Hợp tác xã H1 sử dụng. Ngày 28/3/1998, Ủy ban nhân dân thành phố H đã ra Quyết định số 1660/QĐ-UB-NC thu hồi diện tích đất trên và giao lại cho Ủy ban nhân dân Quận A quản lý, sử dụng. Năm 2012, Ủy ban nhân dân Quận A đã xây dựng Trung tâm Y tế dự phòng có diện tích khoảng 6.036 m² trên mảnh đất ông C đã mua. Phần diện tích đất 8.494m² còn lại, ông C tiếp tục bị Ủy ban nhân dân Quận A cưỡng chế thu hồi. Ông C cho rằng Ủy ban nhân dân Quận A quyết định thu hồi đất sai quy định, nên đã nhiều lần gửi đơn khiếu kiện lên các cấp chính quyền và đề nghị Ủy ban nhân dân Quận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện dích đất 8.494 m² nêu trên, nhưng đều không được chấp nhận.

Năm 2017, ông C đến khu vực trước trụ sở Văn phòng T3 ở số A, đường H, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội để khiếu kiện thì quen biết Lê Viết S (sinh năm 1962; trú tại số nhà D, ngõ B, phố T, phường T, quận T, Hà Nội). Qua nói chuyện, S biết được nội dung ông C khiếu kiện. Sau đó, mỗi khi ra thành phố Hà Nội khiếu kiện thì ông C thường đến chơi tại quán bia của S ở số nhà B, phố T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Đến năm 2020, do có ý định chiếm đoạt tiền của ông C nên S liên hệ với ông C, nói là có người thân làm ở Văn phòng Trung ương Đảng và Cục chống tham nhũng, có khả năng hủy Quyết định của Cơ quan chức năng Quận A, thành phố Hồ Chí Minh và xin cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất trên cho ông C, chi phí là 300.000.000 đồng. Do không đủ tiền nên ông C đã rủ ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1972; trú tại số nhà A, phố P, phường H, thành phố T, tỉnh

Bình Dương; là bạn của ông C) góp tiền để ông C lo việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất trên. Nếu xin cấp được giấy Chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất thì ông C sẽ chia cho ông Đ một phần đất, ông Đại đồng Ý và chuẩn bị sẵn số tiền 300.000.000 đồng. Khoảng đầu tháng 06/2020, S hẹn ông C ra thành phố Hà Nội để bàn thủ tục khiếu kiện và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Sau đó, ông C cùng ông Đ và ông Trần Văn C1 (sinh năm 1976; trú tại xã M, thị xã V, tỉnh Bình Dương; là người nhà của ông Đ) cùng đi ra thành phố Hà Nội, thuê phòng Khách sạn D.P HOTEL ở số C, phố T, phường T, quận T để nghỉ, rồi báo cho S biết. S hẹn ông C đến một quán cà phê trên đường V thuộc quận B, thành phố Hà Nội để cùng gặp Nguyễn Duy H (sinh năm 1987; trú tại số nhà A, tổ D, phố T, phường T, quận H). Tại đây, S giới thiệu với ông C, H là em của S, đang công tác tại Cục C3 tham nhũng Bộ C4. Sau đó, ông C cùng S và H trao đổi về việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, tất cả thống nhất S sẽ là người trực tiếp liên hệ với ông C để giải quyết. Ngày 23/6/2020, ông C cùng ông Đ và ông C1 đi cùng S đến Văn phòng C5 ở số nhà D, phố V, phường L, quận B, thành phố Hà Nội để ký "*Văn bản thỏa thuận về việc thực hiện nghĩa vụ sau khi nhận được quyền sử dụng đất*" với nội dung nếu xin được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông C sẽ chia cho S và ông Đ, mỗi người 30%/ tổng diện tích đất. Do Văn phòng C5 không công chứng đối với loại văn bản trên nên ông C, ông Đ và S đã tự ký văn bản thỏa thuận với nhau có sự chứng kiến của ông C1, mỗi người giữ 01 bản rồi ra về. Tại trước cửa Văn phòng C5, ông Đ đưa cho ông C 300.000.000 đồng đã chuẩn bị từ trước. Ông C đưa số tiền trên cho S rồi bảo chở về nhà của S ở số D, ngõ B, phố T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội để biết nhà. Tại đây, ông C vay S 20.000.000 đồng để tiêu sài cá nhân, S giữ lại số tiền 280.000.000 đồng.

Ngày 26/6/2020, S tiếp tục yêu cầu ông C chuyển thêm 2.000.000.000 đồng thì mới làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông C thoả thuận với ông Đ mỗi người góp 1.000.000.000 đồng để đưa cho S. Ngày 02/7/2020, ông C mang theo 01 sổ tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A1), còn ông Đ mang theo 1.000.000.000 đồng tiền mặt ra thành phố Hà Nội. Ông C và ông Đ thuê phòng 303 của khách sạn D ở số C, phố T Sài rồi hẹn S đến để giao tiền. Khoảng 23 giờ cùng ngày, S đến khách sạn gặp ông C và ông Đ. Tại đây, ông C đưa trước cho S 1.000.000.000 đồng (tiền mặt của ông Đ) được để trong 01 túi nilon màu đen, số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại ông C thỏa thuận sáng hôm sau sẽ ra ngân hàng rút tiền rồi đưa cho S. Sau đó, ông C cùng ông Đ và S ký giấy biên nhận tiền với nội dung S đã nhận tổng số tiền 2.300.000.000 đồng để nhận làm dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông C. Sau khi ký xong, S gọi điện cho

Nguyễn Duy H đến rồi đưa cho H 01 túi nilon màu đên bên trong có số tiền 1.000.000.000 đồng vừa nhận của ông C.

Khoảng 09 giờ ngày 03/7/2020, S cùng ông C đến Ngân hàng A1 -Chi nhánh H2 ở số I, phố N, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội. Tại đây, ông C đã rút số tiền 1.000.000.000 đồng từ sổ tiết kiệm của mình rồi đưa cho S.

Sau khi nhận tiền số tiền 2.280.000.000 đồng của ông C, S không làm gì để thực hiện việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Nhận thấy S không thực hiện được công việc như đã thỏa thuận với mình nên ông C yêu cầu S hoàn trả lại số tiền đã nhận. Ngày 21/8/2021, S chỉ trả được cho ông C số tiền 40.000.000 đồng nên ngày 04/4/2023, ông C gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tố giác hành vi lừa đảo của S.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ tài liệu và đồ vật liên quan, gồm:

- *Thu giữ do ông Trần Văn C giao nộp:*

+ 01 Văn bản thoả thuận đề ngày 23/6/2020 về việc thực hiện nghĩa vụ sau khi nhận được quyền sử dụng đất do ông Trần Văn C, ông Nguyễn Văn Đ và Lê Viết S ký, nội dung sau khi được Cơ quan nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C thì tổng diện tích đất là 100% được chia theo tỷ lệ như sau: ông C được hưởng 40%, S và ông Đ mỗi người được hưởng 30%.

+ 01 Giấy nhận tiền đề ngày 02/7/2020 nội dung Lê Viết S nhận số tiền 2.300.000.000 đồng của ông Trần Văn C để làm dịch vụ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đường H đường D, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh cho ông C. Nếu S không thực hiện được sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên cho ông C trong thời gian 06 tháng.

- *Thu giữ của Lê Viết S:* 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, có số Imei 356151091689951 (đã qua sử dụng).

Tại bản Kết luận giám định số 4783/KL-KTHS ngày 19/7/2023 của Phòng K - Công an thành phố H đối với chữ ký, chữ viết trong các tài liệu thu giữ của ông Trần Văn C, như sau: "... Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Lê Viết S dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Viết S trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M3) là chữ do cùng một người ký và viết ra".

Cơ quan điều tra đã xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh xác định: Ủy ban nhân dân phường H không nhận được nội dung

khiếu nại; đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người có tên Lê Viết S.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Lê Viết S khai sau khi nhận tổng số tiền 2.280.000.000 đồng của ông Trần Văn C, S đã đưa cho Nguyễn Duy H để nhờ H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Còn Nguyễn Duy H khai là khách quen, thường ăn uống tại quán bia của S, được S giới thiệu và làm quen với ông C. Khoảng tháng 5/2019, S hẹn ông C và H đến quán bia của S để nói chuyện. Tại đây, ông C nói có mảnh đất diện tích gần 10.000m^2 tại Quận A, thành phố Hồ Chí Minh đang có tranh chấp với chính quyền, nhờ H đi khiếu kiện, nếu đòi được đất thì sẽ cắt cho H 35% diện tích đất, cắt cho S 10% trong số đất ông C chia cho H, chi phí khiếu kiện H phải chịu thì H không đồng ý. Khi ông C thoả thuận sẽ chia cho H 50% diện tích đất thì H đồng ý. Ông C nói đã giao hết việc cho S để S làm việc với H. Thời gian này, S đưa cho H 35.000.000 đồng để làm chi phí lo thủ tục khiếu kiện; H đã dùng hết số tiền này đến các văn phòng luật sư để nhờ tư vấn nhưng không giải quyết được. Ngoài số tiền 35.000.000 đồng trên, H không nhận khoản tiền nào khác từ S. Ngày 02/7/2020, S gọi điện thoại rủ H đến phòng 303 khách sạn D ở số C, phố T Sài để rủ mọi người đi ăn đêm, nhưng do ông C không đi nên H đi về trước. Lúc ở khách sạn, H không nhận khoản tiền nào của ông C. H không biết về việc S và ông C lập các văn bản thoả thuận liên quan đến việc khiếu kiện đòi đất cho ông C. Tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để kết luận H đồng phạm với S nên Cơ quan điều tra đã tách phần hồ sơ liên quan đến Nguyễn Duy H để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, ông Trần Văn C đề nghị xử lý bị can Lê Viết S theo quy định của pháp luật; đồng thời yêu cầu S bồi thường 2.240.000.000 đồng. Hiện bị can S chưa bồi thường cho ông C.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 518/2025/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Viết S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Viết S 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2024.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, kiến nghị, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/8/2025, bị cáo Lê Viết S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Lê Viết S giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt tù. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Viết S, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 518/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và hoàn cảnh gia đình của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Luật sư và xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Viết S thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, dữ liệu điện tử đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Ông Trần Văn C có 01 mảnh đất diện tích 8.494m² tại Ấp B, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (nay là đường D, phường H, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh) không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã bị Ủy ban nhân dân Quận A, thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định thu hồi. Ông C đã nhiều lần ra thành phố Hà Nội để khiếu kiện và quen biết với Lê Viết S. Do có ý định chiếm đoạt tiền của ông C nên S nói với ông C là có người thân làm ở các Cơ quan Trung ương, có khả năng xin cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Từ ngày 23/6/2020 đến ngày 03/7/2020, theo yêu cầu của S, ông C đã đưa cho S số tiền 2.280.000.000 đồng để nhờ S xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất trên của ông C. Sau khi nhận tiền, S không làm gì để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C như đã thỏa thuận. Khi ông C đòi lại tiền, S mới trả cho ông C 40.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để bị hại tin tưởng giao tiền, sau đó chiếm đoạt tiền của bị hại. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 2.280.000.000 đồng.Mặc dù trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn nhận tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử

bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng người, đứng tội, không oan.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền lớn, quá trình điều tra, truy tố, xét xử không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải là nguy hiểm cho xã hội. Trong vụ án này bị cáo S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo và gia đình bị cáo mới khắc phục một phần hậu quả, trả lại cho bị hại 78.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 1 (mười ba) năm tù là phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận tội, Tòa phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo; đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo do bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo là không đúng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, không đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Từ các nhận đinh nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc thành khẩn của bị cáo có ý nghĩa vừa phải mặt khác mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên với bị cáo là phù hợp, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo Sơn

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Viết S. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 518/2025/HS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Viết S 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2024.

[2]Án phí: Bị cáo Lê Viết S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- TTG số 1 CA thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua Trại TG);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Điều Văn Hằng